TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **96**/2024/DS-ST
Ngày 31 – 5 – 2024
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thúy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Thắng.

Ông Nguyễn Minh Trọn.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 29/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024, về việc "Tranh chấp hụi" giữa:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm: 1987 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Rạch L, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Bé M, sinh năm: 1966. Nơi cư trú: Ấp Rạch L, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau theo Giấy ủy quyền ngày 08/3/2024 (Có mặt).

Bị đơn: Ông Bùi Minh T, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Bà Trần Thị Đ, sinh năm: 1981 (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Ấp Rạch L, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/01/2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn anh Bùi Văn L, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị Bé M trình bày:

Anh Bùi Văn L có chơi hụi do vợ chồng ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ làm chủ và đứng ra tổ chức thu tiền hụi viên. Trong quá trình tham gia chơi hụi, vợ

chồng ông T, bà Đ tuyên bố bể hụi và còn nợ anh L số tiền của dây hụi, cụ thể như sau:

Hụi khui ngày 15/07/2021 nhằm ngày 06/6/2021 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng, mỗi tháng khui một lần vào ngày 06 âm lịch hàng tháng, gồm 31 chưng, anh L tham gia 02 chưng, tiền huê hồng hụi là 500.000 đồng, hụi đến ngày 06/11/2023 thì mãn. Anh L đóng hụi đầy đủ cho vợ chồng ông T, bà Đ, còn anh L hốt chưng hụi đầu vào thời gian nào bà M không nhớ, hốt được bao nhiêu tiền bà M không biết. Sau khi hốt hụi anh L đóng hụi chết đầy đủ cho đến khi hụi mãn. Chưng hụi thứ hai anh L đóng đầy đủ đến kỳ thứ 28 thì vợ chồng ông T, bà Đ tuyên bố dừng hụi. Và tổ chức bốc thăm ai bốc được trước thì vợ chồng ông T, bà Đ chung hụi trước. Kết quả bắt thăm anh Huỳnh Lê Nh bốc thăm số 28, ông N bốc thăm kỳ 29, bà Bé B bốc thăm số 30, anh L bốc thăm số 31, số tiền anh L hốt hụi được là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Từ ngày bốc thăm đến nay vợ chồng ông T, bà Đ không chung hụi cho anh L theo thỏa thuận. Anh L nhiều lần đến nhà vợ chồng ông T, bà Đ đòi tiền hụi thì vợ chồng ông T, bà Đ lúc đầu hứa hẹn, sau này thách thức chứ không chung tiền hụi cho anh L.

Nay anh Bùi Văn L yêu cầu Tòa án buộc ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ thanh toán cho anh L số tiền nợ hụi còn thiếu tổng cộng là 27.000.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu đồng*). Ngoài ra anh L không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa bà Bé M thay đổi yêu cầu khởi kiện: Cụ thể số tiền 27.000.000 đồng sau khi anh L bốc thăm trúng là chưa trừ tiền huê hồng hụi nên hôm nay bà đồng ý trừ tiền huê hồng hụi 500.000 đồng và anh L chưa trừ 01 chưng hụi chết của anh đã hốt trước đó. Nay anh L chỉ yêu cầu Tòa án ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ thanh toán cho anh L số tiền nợ hụi còn thiếu tổng cộng là 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Minh T trình bày: Ông thừa nhận trước đây vợ chồng ông, bà có làm chủ hụi và hiện còn nợ 26 lần hụi chết chứ không phải 27 lần như bà M trình bày. Vì khi ông tuyên bố dừng hụi thì còn 05 chưng sống chứ không phải 04 chưng như anh L, bà M trình bày.

Nay anh L yêu cầu vợ chồng ông, bà thanh toán cho anh L số tiền hụi là 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) ông không đồng ý. Ông đồng ý thanh toán cho anh L số tiền 26.000.000 đồng (*Hai mươi sáu triệu đồng*).

Đối với bà Trần Thị Đ trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ quyết định phân công thẩm phán, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhiều lần nhưng bà Đ vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đồng thời, không gửi văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì tất cả đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, Kiểm sát viên cho rằng việc vợ chồng ông Tài, bà Điểm vi phạm nghĩa vụ giao hụi cho thành viên là có thật, do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 18, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường; Điều 27, 37 luật hôn nhân và gia đình, căn cứ vào các danh sách hụi và đơn xin xác nhận (bút lục 38); lời trình bày của ông Huỳnh Lê Nh (bút lục số 40) xác định anh a có tham gia chơi hai chưng. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc vợ chồng ông T, bà Đ có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng*). Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa nguyên và bị đơn được xác định là tranh chấp hụi, ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp Rạch L, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Bà Mười xác định ông L chỉ yêu cầu Tòa án ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ thanh toán cho ông L số tiền nợ hụi còn thiếu tổng cộng là 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng*). Xét thấy, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện và là quyền tự định đoạt của đương sự, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về nội dung tranh chấp của vụ án: Nguyên đơn xác định vợ chồng ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ còn nợ nguyên đơn số tiền 25.500.000 đồng, đây là tổng số tiền của dây hụi do các bị đơn làm chủ. Bị đơn ông Bùi Minh T thừa nhận vợ chồng ông còn nợ nguyên đơn 26 lần hụi chết tương đương số tiền 26.000.000 đồng chưa trừ tiền huê hồng hụi và một chưng hụi chết của ông Tài đã hốt chứ không phải 27.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày nên đây là sự thật được các bên thừa nhận, anh L không cần phải chứng minh.

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Việc thỏa thuận tổ chức chơi hụi giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không trái pháp luật. Khi vợ chồng ông T, bà Đ tổ chức chơi hụi, mời các hụi viên cùng nhau góp vốn có lập danh sách hụi viên tuy không đăng ký, không được chứng thực của cơ quan có thẩm quyền nhưng theo lời trình bày của nguyên đơn, người liên quan và những người biết sự việc là hụi viên đã tham gia chơi hụi do vợ chồng

ông T, bà Đ làm chủ được thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa như sau: Việc các đương sự giao dịch hụi thực tế có xảy ra, quá trình chơi hụi vợ chồng ông T, bà Đ là người đứng ra tổ chức chơi hụi (chủ hụi), khi không còn khả năng thanh toán tiền cho các hụi viên dẫn đến tuyên bố bể hụi, dừng tất cả các hoạt động liên quan đến hụi nhưng vợ chồng ông T, bà Đ không thanh toán tiền hụi cho các hụi viên. Ông T cho rằng còn 05 kỳ hụi sống nên chỉ còn nợ anh L 26.000.000 đồng nhưng ông T không cung cấp chứng cứ cho Tòa án thể hiện lời trình bày của mình. Để chứng minh cho lời trình bày của mình anh L nộp danh sách hụi và Đơn xin xác nhận (bút lục 38), lời trình bày của ông Huỳnh Lê Nh (bút lục số 40) do vợ chồng ông T, bà Đ làm chủ thể hụi chết 27 kỳ, hụi sống 04 kỳ đúng như anh L trình bày và Tòa án có tiến hành xác minh lại sự việc được thể hiện tại biên bản ngày 04/4/2024. Đối với bà Đ quá trình Tòa án giải quyết vụ án bà Đ không đến Tòa cũng không gửi ý kiến để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, không cung cấp chứng cứ chứng minh. Chính vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ mà nguyên đơn và bị đơn ông Bùi Minh T cung cấp để giải quyết vụ án hoàn toàn phù hợp.

Với phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần buộc các bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền hụi là 25.500.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng*) là phù hợp.

[4] Trong số tiền hụi nguyên đơn yêu cầu có phần lãi hụi. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn không đặt ra yêu cầu điều chỉnh. nên Hội đồng xét xử không xem xét việc điều chỉnh.

[5] Về thời gian và phương thức thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông T, bà Đ thanh toán một lần tiền hụi còn thiếu. Ông T yêu cầu được thanh toán hàng tháng từ 6.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thanh toán thuộc thẩm quyền giải quyết của Cơ quan thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nên không đề cập xem xét trong vụ án này.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nguyên đơn không phải chịu, bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 186, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 15, Điều 18, Điều 21, khoản 2 Điều 22, Điều 23, Điều 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 12, điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh Bùi Văn L.

Buộc vợ chồng ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ thanh toán cho anh Bùi Văn L số tiền hụi là 25.500.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng)

Kể từ ngày ông Bùi Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Minh T, bà Trần Thị Đ phải chịu số tiền 1.275.000 đồng (*Một triệu, hai trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*, chưa nộp).

Anh Bùi Văn L không phải chịu án phí. Ngày 16/01/2024, anh Bùi Văn L đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 675.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003172 được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thúy Dung